TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo và bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ H, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn 5, xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Bị đơn anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 5, xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt (anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020, bản tự khai ngày 07/12/2020, biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh H1 đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trước khi đăng ký kết hôn chị H và anh H1 đã chung sống với nhau như vợ H và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán từ năm 2013. Việc kết hôn giữa chị H và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc.

Lý do chị H và anh H1 chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian mới đăng ký kết hôn là do chị H chưa đủ tuổi kết hôn, mặc khác tại thời điểm này chị H đã có thai nên hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới cho đến khi chị H đủ tuổi mới đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới chị H và anh H1 chung sống với gia đình cha mẹ của anh H1 tại xã Thôn 5, xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai được khoảng hơn 03 năm thì ở riêng tại căn nhà cùng trong khuôn viên thửa đất của cha mẹ anh H1. Đến tháng 7 năm 2017 anh H1 bị tai nạn giao thông, mặc dù đã được gia đình đưa đi điều trị nhiều nơi nhưng đến nay vẫn không hoàn toàn bình phục. Từ đó, anh H1 thay đổi tính tình, thường xuyên kình cãi với chị H. Chị H đã cố gắng chịu đựng để chăm sóc anh H1 nhưng mâu thuẫn giữa chị và anh H1 ngày càng trầm trọng không thể chung sống với nhau được nên đến tháng 7/2020 chị H về nhà cha mẹ đẻ của mình sống từ đó cho đến nay. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 28/01/2014, hiện nay cháu H2 đang sống cùng với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H2 và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

Tại bản khai ngày 28/12/2020, biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021 bị đơn anh Nguyễn Minh H1 trình bày: Anh H1 và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 12/7/2017. Trước khi đăng ký kết hôn anh H1 và chị H đã sống chung với nhau như vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức lề cưới theo phong tục tập quán vào ngày 17/9/2013 (âm lịch) và đã có con chung là cháu Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày 28/01/2014. Anh H1 và chị H chung sống hạnh phúc cho đến khi anh H1 bị tai nạn giao thông vào năm 2017 dẫn đến tàn tật, không có việc làm và thu nhập nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 7/2020 (âm lịch) chị H đã bỏ về nhà cha mẹ của chị H sống từ đó cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H

Về con chung: Anh H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H2 và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa thể hiện:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Nguyễn Minh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mỹ H. Cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh H1. Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hà Gia H2. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 5, xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Anh Nguyễn Minh H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của các đương sự, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác đã đủ cơ sở kết luận: Chị Hà Thị Mỹ H và anh Nguyễn Minh H1 kết hôn vào ngày 12/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của chị H và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mỹ H: Trong quá trình chung sống giữa chị H với anh H1 phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H, sau khi bị tai nạn giao thông anh H1 thay đổi tính tình, thường xuyên kình cãi với chị H. Chị H và anh H1 không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Anh H1 cũng thừa nhận: Từ khi anh H1 bị tai nạn dẫn đến tàn tật, không có việc làm và thu nhập nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ của chị H sống từ tháng 7/2020 đến nay. Vì vậy anh H1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh H1 thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Mỹ H với anh Nguyễn Minh H1.

[4] Về con chung: Mặc dù cháu Nguyễn Hà Gia H2, được sinh vào ngày 28/01/2014 trước khi Chị H và anh H1 đăng ký kết hôn nhưng chị H và anh H1 đều thừa nhận cháu Nguyễn Hà Gia H2 là con chung của chị H và anh H1. Xét việc chị H và anh H1 đều yêu cầu được nuôi cháu H2 và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay tình trạng sức khỏe của anh H1 chưa hồi phục, anh H1 không có nghề ngH và thu nhập để đảm bảo việc nuôi con. Mặt khác, hiện nay cháu Hiệu đang do chị H nuôi dưỡng, chị H đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hà Gia H2 là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Minh H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Mỹ H cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị Mỹ H ly hôn với anh Nguyễn Minh H1.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Thị Mỹ H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày 28/01/2014, khi cháu H2 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí:

+ Chị Hà Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004585 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Minh H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (28/4/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H2 thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã Song An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Bế Thị bay	**Trần Thị Kia**	**Bùi Tứ Hải**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã Song An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Hòa	**Nguyễn Thị Ngọc Lan**	**Bùi Tứ Hải**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã Song An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải